

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SON LA  
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
KHU VỰC 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6/TB-THADS.KV1

Son La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá**

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022);

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội (được sửa đổi bổ sung năm 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

Căn cứ Điều 23 Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan Thi hành án dân sự, ban hành kèm theo Quyết định số 630/QĐ-TCTHADS ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tổng cục trưởng Tổng cục thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số 01/2025/KDTM-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 01/QĐ-SCBSBA ngày 03 tháng 02 năm 2025; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 31/QĐ-SCBSBA ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai);

Căn cứ Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/QĐ-SCBSBA ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Lào Cai);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 51/QĐ-THADS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 02/QĐ-THADS.KV1 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Son La;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 483/2026/08/CT-VVF ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Valutico Group.

Căn cứ thông báo Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 02/TB-THADS ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Sơn La;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Tính đến thời điểm 17<sup>h</sup>00' ngày 26/01/2026, Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, Sơn La đã nhận được 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; Căn cứ Thông tư số 19/2024/BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp, Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La lựa chọn Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú. Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà PECO, số 9/84 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Bên nhận ủy quyền: Công ty đấu giá hợp danh nhất an phú – chi nhánh Tây Bắc. Địa chỉ: Số 470, đường Trần Đăng Ninh, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

- **Quyền sử dụng đất:** Thửa số 47a, tờ bản đồ số 19, diện tích 128,3m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, (Nay là Tổ 9 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu), tỉnh Sơn La; Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 141104 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 14/3/2019 mang tên ông Nguyễn Đức Chính và bà Vũ Thị Huyền. Tổng diện tích hiện trạng sử dụng là 133,2 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- + Phía Bắc giáp đất nhà ông Kỳ chiều dài 24,12 m;
- + Phía Đông giáp đất Công ty Môi trường đô thị Sơn La chiều rộng là 6,35m;
- + Phía Nam giáp đất nhà bà Lan chiều dài 25,03 m;
- + Phía Tây giáp đường Nguyễn Trãi có chiều rộng 4,61m.

Tổng diện tích đo thực tế tăng so với Giấy chứng nhận QSDĐ là 4,9 m<sup>2</sup> (Trong đó: Diện tích đất ở tại đô thị là 84,1 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác chênh lệch so với giấy chứng nhận QSDĐ là 49.1/44,2 m<sup>2</sup>).

- **Tài sản gắn liền với đất:** Gồm 01 nhà xây 03 tầng khung bê tông cốt thép chịu lực, tường 220 mm, mái lợp tôn. Trong đó diện tích tầng 1 là 73,44 m<sup>2</sup> diện tích tầng 2 là 78,9 m<sup>2</sup>; tầng 3 là mái lợp tôn có diện tích là 60 m<sup>2</sup>. Tổng diện tích các sàn là 212,34 m<sup>2</sup>.

Vậy, thông báo để Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – chi nhánh Tây Bắc, các bên đương sự biết./.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSTHA (02b).

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Đỗ Quang Huy**

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

**1. Tài sản đấu giá:**

- **Quyền sử dụng đất:** Thửa số 47a, tờ bản đồ số 19, diện tích 128,3m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, (Nay là Tổ 9 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu), tỉnh Sơn La; Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 141104 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 14/3/2019 mang tên ông Nguyễn Đức Chính và bà Vũ Thị Huyền. Tổng diện tích hiện trạng sử dụng là 133,2 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- + Phía Bắc giáp đất nhà ông Kỳ chiều dài 24,12 m;
- + Phía Đông giáp đất Công ty Môi trường đô thị Sơn La chiều rộng là 6,35m;
- + Phía Nam giáp đất nhà bà Lan chiều dài 25,03 m;
- + Phía Tây giáp đường Nguyễn Trãi có chiều rộng 4,61m.

Tổng diện tích đo thực tế tăng so với Giấy chứng nhận QSDĐ là 4,9 m<sup>2</sup> (Trong đó: Diện tích đất ở tại đô thị là 84,1 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác chênh lệch so với giấy chứng nhận QSDĐ là 49.1/44,2 m<sup>2</sup>).

- **Tài sản gắn liền với đất:** Gồm 01 nhà xây 03 tầng khung bê tông cốt thép chịu lực, tường 220 mm, mái lợp tôn. Trong đó diện tích tầng 1 là 73,44 m<sup>2</sup> diện tích tầng 2 là 78,9 m<sup>2</sup>; tầng 3 là mái lợp tôn có diện tích là 60 m<sup>2</sup>. Tổng diện tích các sàn là 212,34 m<sup>2</sup>.

**2. Giá khởi điểm: 2.295.697.000,đ** (Hai tỷ hai trăm chín mươi năm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

**3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:** Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú. Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà PECO, số 9/84 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Bên nhận ủy quyền: Công ty đấu giá hợp danh nhất an phú – chi nhánh Tây Bắc. Địa chỉ: Số 470, đường Trần Đăng Ninh, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

**4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có):** Không.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

## II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty đấu giá hợp danh Tiến Thành
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>	<b>19,0</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
<b>3.</b>	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>
<b>4.</b>	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>
<b>5.</b>	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>
<b>1.</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>

1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
3.	<b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4.	<b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
IV	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>57,0</b>	<b>54,0</b>
1.	<b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>15,0</b>	<b>15,0</b>
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan).	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	

3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) 4. Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$		
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>7,0</b>	<b>5,0</b>
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
6.1	01 đấu giá viên	2,0	

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0

V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0	6,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0	
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>95</b>

**Nơi nhận:**

- Công TT Điện tử Quốc Gia về ĐGTS;
- Công TT Điện tử của Cục Quản lý THADS;
- Trang TTĐT của THADS tỉnh;
- Viện KSND khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSTHA (02b).

**CHẤP HÀNH VIÊN****Đỗ Quang Huy**